

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BA ĐỒN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2018/HNGĐ-ST
Ngày 15 - 8 - 2018
V/v tranh chấp Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Diệu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Ngọc Lan
2. Bà Trần Thị Hường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Như Bình - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoài Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 39/2018/TLST-HNGĐ ngày 12/3/2018 về việc tranh chấp Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/7/2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trương Thị Hương H, sinh năm 1987

Địa chỉ cư trú: Tổ dân phố C, phường T, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1987

Địa chỉ cư trú: Tổ dân phố C, phường T, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 07/3/2018 và bản tự khai cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn, chị Trương Thị Hương H trình bày: Chị và anh Nguyễn Ngọc T tự nguyện tìm hiểu và đi đến đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình vào ngày 23/3/2010. Thời gian đầu sau khi kết hôn anh chị về sống chung với bố mẹ chị, cho đến tháng 3 năm 2014 thì chuyển về sống chung cùng bố mẹ anh T. Cuộc sống chung của anh chị chỉ hạnh phúc được một thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra cãi vã khiến cuộc sống gia đình trở nên căng thẳng và mang không khí nặng nề. Mặc dù đã nhiều lần hòa giải với nhau để tiếp tục xây dựng hạnh phúc gia đình, cùng nhau nuôi dạy con cái, nhưng vì thực sự giữa hai người có quá nhiều điểm trái ngược nhau nên anh chị đã

quyết định sống ly thân từ tháng 9 năm 2014 cho đến nay. Trong khoảng thời gian sống ly thân đó, không ai còn quan tâm hay hỏi han gì đến ai, tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt dần. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được và hiện tại chị không còn tình cảm gì với anh T nữa, nên nguyện vọng mong muốn được ly hôn với anh T để ổn định cuộc sống bản thân sau này.

Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Khánh V, sinh ngày 13 tháng 10 năm 2010. Sau ly hôn, chị H có nguyện vọng được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và yêu cầu Tòa án buộc anh T đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Trong thời gian chung sống, anh chị chưa tôn tạo được tài sản chung gì; anh chị không vay nợ của ai cũng như không cho ai vay nợ. Vì vậy, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật; nguyên đơn tuân thủ nghiêm chỉnh sự triệu tập của Tòa án, thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình; bị đơn mặc dù được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, gây khó khăn trong việc giải quyết vụ án.

Về mặt nội dung: Thấy rằng quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình cho chị H ly hôn với anh T; đề nghị áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình cho chị H được quyền nuôi dưỡng con chung. Về tài sản chung của vợ chồng chị H trình bày không có nên không xem xét.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Giấy triệu tập nhiều lần cho anh T nhưng anh T không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án. Kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân phường T và theo lời khai của bà Nguyễn Thị Th (mẹ đẻ của anh T) cho thấy: Gia đình anh T đã nhận được đầy đủ các văn bản tố tụng nói trên của Tòa án và đã thông báo cho anh T biết về nội dung, thời gian đến trụ sở Tòa án cũng như trụ sở Ủy ban nhân dân phường T để tham gia tố tụng. Tuy nhiên, anh T đều không có mặt theo các thông báo và giấy triệu tập của Tòa án để giải quyết vụ án. Bà Nguyễn Thị Th cho biết, sau các lần Tòa án triệu tập nhưng không về tham gia tố tụng được thì anh T thường gọi điện thoại về cho gia đình trình bày mong muốn đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật để giải quyết vụ án vắng mặt anh.

Tòa án đã tiến hành đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật, mở phiên tòa xét xử vụ án vào ngày 24/7/2018, trước đó đã tổng đạt hợp lệ Quyết định

đưa vụ án ra xét xử cho anh T, tuy nhiên, do anh T vắng mặt nên Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa. Tòa án triệu tập anh T đến phiên tòa lần thứ hai vào ngày hôm nay (15/8/2018), đã tổng đạt hợp lệ Giấy triệu tập đến phiên tòa, Quyết định hoãn phiên tòa cho anh T, nhưng tại phiên tòa anh T vẫn tiếp tục vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Trương Thị Hương H có đơn yêu cầu ly hôn anh Nguyễn Ngọc T; anh T hiện nay đang có hộ khẩu thường trú tại Tổ dân phố C, phường T, thị xã B, tỉnh Quảng Bình, vì vậy, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã B.

Về sự vắng mặt của anh Nguyễn Ngọc T tại phiên tòa, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa hai lần nhưng anh T vẫn vắng mặt không rõ lý do, vì vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vụ án vắng mặt anh T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị Hương H và anh Nguyễn Ngọc T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền nên quan hệ hôn nhân của hai người là hoàn toàn hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị sống chung hạnh phúc không được bao lâu đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, cuộc sống gia đình luôn trong không khí căng thẳng, nặng nề. Hai bên đã sống ly thân từ tháng 9 năm 2014 đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị H kiên quyết xin được ly hôn với anh T.

Đối với anh Nguyễn Ngọc T, mặc dù đã nhận được văn bản tố tụng đầy đủ, anh biết rõ việc chị H làm đơn xin ly hôn mình và vụ án đang được Tòa án thụ lý giải quyết theo thẩm quyền, nhưng các lần Tòa án triệu tập đều không có mặt để tham gia giải quyết và nói lên nguyện vọng về quan hệ hôn nhân của mình. Mặt khác, theo trình bày của chị H và kết quả xác minh cho thấy, trong khoảng thời gian dài ly thân, anh T đã không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình đối với vợ, con, không có biện pháp gì để cải thiện tình cảm vợ chồng. Những điều đó chứng tỏ tình cảm của anh T với chị H cũng thực sự không còn nữa.

Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H, áp dụng khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, xử cho chị Trương Thị Hương H được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc T là phù hợp.

[3] Về quan hệ con chung: Trong quá trình chung sống, chị Trương Thị Hương H và anh Nguyễn Ngọc T có 01 con chung, tên là Nguyễn Ngọc Khánh V, sinh ngày 13 tháng 10 năm 2010. Xét thấy, từ khi vợ chồng sống ly thân, cháu V ở với chị H và hiện tại cháu V đã có đơn trình bày nguyện vọng mong muốn được ở với mẹ. Vì vậy, xét nguyện vọng của chị H được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con là hoàn toàn chính đáng và phù hợp với điều kiện hoàn cảnh cũng như nguyện vọng của con, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 81 và các Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình giao con cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Buộc anh Nguyễn Ngọc T phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng chị H mỗi tháng 1.000.000 đồng là phù hợp.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về quan hệ tài sản chung: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, chị Trương Thị Hương H đều thừa nhận vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ gì của ai cũng như không cho ai vay nợ gì của vợ chồng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Trương Thị Hương H và anh Nguyễn Ngọc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xét xử vụ án vắng mặt bị đơn - anh Nguyễn Ngọc T.
2. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Trương Thị Hương H, xử cho chị Trương Thị Hương H được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc T.
3. Về quan hệ con chung: Giao cho chị Trương Thị Hương H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Ngọc Khánh V, sinh ngày 13 tháng 10 năm 2010. Buộc anh Nguyễn Ngọc T phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H mỗi tháng 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*), kể từ tháng 8 năm 2018 cho đến khi con đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để nuôi sống bản thân.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

4. Về quan hệ tài sản chung: Không có nên không xem xét.

5. Về án phí sơ thẩm: Chị Trương Thị Hương H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn để sung vào công quỹ Nhà nước nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) mà chị đã nộp trước đây tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002075, ngày 07/3/2018. Chị H đã nộp đủ tiền án phí.

Buộc anh Nguyễn Ngọc T phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ để sung vào công quỹ Nhà nước.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND thị xã B;
- Chi cục THADS thị xã B;
- UBND phường H. Tp. Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Nguyễn Xuân Diệu